

Số:/2021/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2021

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số.....;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Điều 3. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý gồm: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập được quy định trong cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gắn với tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

2. Vị trí việc làm viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường là vị trí việc làm gắn với mã số, hạng và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường được cấp có thẩm quyền ban hành.

Danh mục vị trí việc làm viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường

1. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường gồm:

a) Tỷ lệ viên chức giữ các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài

nguyên và môi trường so với tổng số viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tỷ lệ viên chức theo hạng trong từng chức danh.

2. Tỷ lệ viên chức giữ các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường phải bảo đảm tối thiểu 65% tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tỷ lệ viên chức theo hạng trong từng chức danh nghề nghiệp phải bảo đảm cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức, mức độ phức tạp và các yếu tố đặc thù của vị trí việc làm.

Điều 5. Định mức số lượng người làm việc

Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường được xác định trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ, tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ theo các căn cứ sau:

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quy trình, quy định về quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

c) Khối lượng nhiệm vụ thường xuyên; mức độ hiện đại hóa;

d) Số lượng người làm việc tối thiểu thành lập tổ chức; quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của viên chức theo pháp luật quy định;

đ) Mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Quyết định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

1. Căn cứ các quy định tại Thông tư này, danh mục vị trí việc làm nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các quy định khác của pháp luật về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức xây dựng danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên của đơn vị.

2. Trên cơ sở vị trí việc và cơ cấu viên chức tại khoản 1 Điều này tiến hành xây dựng Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc; xác định số lượng người làm việc tương ứng.

Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm thực hiện theo Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm

2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB.HĐ

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NGÀNH TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTNMT ngày tháng năm 2021
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
A	VTVL Hội đồng quản lý, Hội đồng trường	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	
B	VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL	
I	Bộ, cơ quan ngang Bộ	
I.1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL thuộc Bộ)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ)	
I.2	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	

I.3	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Bộ)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Bộ)	
I.4	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNNCL thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
II	Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNNCL	
1	Người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNNCL	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNNCL	
3	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	
III	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

III.1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh)	
III.2	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
III.3	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	
IV	Ủy ban nhân dân cấp huyện	
IV.1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	

2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
V	VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù	
V.1	Cấp trưởng	
1	Tổng Giám đốc	
2	Giám đốc	
3	Liên Đoàn trưởng	
4	Trưởng phòng	
5	Trưởng ban	
6	Trạm trưởng	
7	Đoàn trưởng	
V.2	Cấp phó	
1	Phó Tổng Giám đốc	
2	Phó Giám đốc	
3	Phó Liên Đoàn trưởng	
4	Phó Trưởng phòng	
5	Phó Trưởng ban	
6	Phó Trạm trưởng	
7	Phó Đoàn trưởng	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
1	Chuyên ngành địa chính	Địa chính viên hạng I	
		Địa chính viên hạng II	
		Địa chính viên hạng III	
		Địa chính viên hạng IV	
		Địa chính viên hạng V	
2	Chuyên ngành điều tra viên tài nguyên môi trường	Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng I	
		Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II	
		Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	
		Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV	
		Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng V	
3	Chuyên ngành dự báo viên khí tượng thủy văn	Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng I	
		Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II	
		Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III	
		Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV	
		Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng V	
4	Chuyên ngành kiểm soát viên khí tượng thủy văn	Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng I	
		Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II	
		Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III	
		Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV	
		Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng V	
5	Chuyên ngành quan trắc viên tài nguyên môi trường	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng I	
		Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	
		Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	

STT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
		Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV	
		Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng V	
6	Chuyên ngành đo đạc bản đồ	Đo đạc bản đồ viên hạng I	
		Đo đạc bản đồ viên hạng II	
		Đo đạc bản đồ viên hạng III	
		Đo đạc bản đồ viên hạng IV	
		Đo đạc bản đồ viên hạng V	
7	Chuyên ngành viễn thám	Viễn thám viên hạng I	
		Viễn thám viên hạng II	
		Viễn thám viên hạng III	
		Viễn thám viên hạng IV	
		Viễn thám viên hạng V	

Cơ quan:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC VÀ KHUNG NĂNG LỰC CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tên Vị trí việc làm: - Tên vị trí việc làm theo Khung danh mục đã được phê duyệt - Tên vị trí việc làm cụ thể (nếu có)		Mã vị trí việc làm:
		Ngày bắt đầu thực hiện:
Địa điểm làm việc:	(Địa chỉ trụ sở cơ quan).	
Quy trình công việc liên quan:	(tên tài liệu, quy trình công việc liên quan đến vị trí này)	

1- Mục tiêu vị trí việc làm: (Tóm tắt tổng quan về vị trí việc làm)

2- Quy trình thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành (nếu có)

3- Các công việc và tiêu chí đánh giá

T	Các nhiệm vụ, công việc		Tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc
	Nhiệm vụ, mảng công việc	Công việc cụ thể	
..	<i>(Thực hiện các nhiệm vụ khác do thủ trưởng giao).</i>		

4. Các mối quan hệ trong công việc

4.1- Bên trong

Được quản lý trực tiếp và kiểm duyệt kết quả bởi	Quản lý trực tiếp	Các đơn vị phối hợp chính
	•	•

4.2- Bên ngoài

Các cơ quan, đơn vị có quan hệ chính	Bản chất quan hệ
	•
	•

5- Phạm vi quyền hạn

TT	Quyền hạn cụ thể
I 1 2 ...	Thẩm quyền ra quyết định (áp dụng đối với vị trí lãnh đạo, quản lý)
II 1 2 ...	Thẩm quyền trong thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành

6- Các yêu cầu về trình độ, năng lực

(Xây dựng phù hợp hướng dẫn tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường)

6.1- Yêu cầu về trình độ

Nhóm yêu cầu	Yêu cầu cụ thể
Nhóm yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> Trình độ đào tạo và chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm
Trình độ đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> Lý luận chính trị: Quản lý hành chính nhà nước: Bồi dưỡng nghiệp vụ Kiến thức khác (phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm)
Kinh nghiệm công tác (thành tích cá nhân)	- Nêu kinh nghiệm, thành tích liên quan đến vị trí việc làm đảm nhiệm
Phẩm chất cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> Tuyệt đối trung thành, tin tưởng, nghiêm túc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan. Tinh thần trách nhiệm cao với công việc với tập thể, phối hợp công tác tốt

	<ul style="list-style-type: none"> • Trung thực, kiên định nhưng biết lắng nghe • Điềm tĩnh, cẩn thận • Khả năng đoàn kết nội bộ • Phẩm chất khác (phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm)
Các yêu cầu khác

6.2- Yêu cầu về năng lực

Nhóm năng lực	Tên năng lực
Nhóm năng lực chung	• Đạo đức và bản lĩnh
	• Tổ chức thực hiện công việc
	• Kỹ thuật soạn thảo và ban hành văn bản
	• Giao tiếp ứng xử
	• Quan hệ phối hợp
	• Sử dụng công nghệ thông tin
	•
Nhóm năng lực chuyên môn	• Khả năng chủ trì tham mưu xây dựng chiến lược, đề án, quy trình nghiệp vụ chuyên môn
	• Khả năng hướng dẫn thực hiện chiến lược, đề án, triển khai quy trình nghiệp vụ chuyên môn
	• Khả năng thẩm định các đề án, dự án, nhiệm vụ
	• Khả năng phối hợp thực hiện xây dựng chiến lược, đề án, quy trình nghiệp vụ chuyên môn
	•
Nhóm năng lực quản lý	• Tư duy chiến lược
	• Quản lý sự thay đổi
	• Ra quyết định
	• Quản lý nguồn lực
	• Phát triển nhân viên
	• Kinh nghiệm công tác quản lý (nếu có)
	•

Phê duyệt của lãnh đạo